

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HSPT
Ngày 06 - 5 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp; ông Lò Văn Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà La Thị Sứ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo Lò Văn T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La.

Bị cáo có kháng cáo: Lò Văn T, sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản Pổng, xã Nậm E, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Đảng phái đoàn thể: Không; Dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn T và bà Lò Thị Ở; có vợ là Bạc Thị B có 02 con, con lớn nhất 25 tuổi, con nhỏ nhất 23 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến ngày 02/11/2018, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 09/10/2018 Lò Văn T; sinh năm 1972, Lò Văn H; sinh năm 1995 và Bạc Cầm K; sinh năm 1995 đều trú tại Bản P, xã Nậm E, huyện Q đến nhà Lò Văn C; sinh năm 1990 trú cùng bản để ăn cơm, uống rượu, trong lúc uống rượu T nói với mọi người: “*bố đi đốt ong qua lán nhà ông Ngần Duy Lả thuộc Thăm Cang (Tg địa phương) thấy có 04 con dê không có ai ngủ*

trông, chúng mình đi trộm lấy một con mang về mổ ăn đi”, nghe T nói vậy, C, K và H đồng ý. Đến khoảng 19 giờ, sau khi ăn cơm, uống rượu xong cả 04 người ra khỏi nhà C, K điều khiển xe máy BKS 26B1-361.96 chở C theo sau, trên đường đi T nói với K “dừng ở nhà ông trước để lấy đèn pin và dao”, đến nhà T, K dừng xe lại, T lên nhà lấy 01 con dao ở bếp mang theo, còn K lấy 02 đèn pin ở nhà T, sau đó cả 04 người đi theo hướng đường mòn Thăm Cang (Tg địa phương), đến đỉnh dốc thì dừng xe lại và đi bộ xuống lán nương của Ngàn Duy Lả; trú tại bản Coi B, xã Mường Sại để trộm dê, đi được khoảng 100 mét thì T bảo H, C ở lại đợi cảnh giới để T và K xuống lán nương của Lả để trộm dê. H, C ngồi đợi còn T, K đi đến lán nương nhà anh Lả, T nói với K: “ở ngoài này để ông vào trong gầm sàn lấy dê ra” T đi vào gầm sàn lán nương, K ở ngoài (lán nương không có ai trông coi) T thấy 02 con dê to được buộc ở cột lán khác nhau và 02 con dê con không buộc gì, T liền cởi dây thừng ở cột lấy ra 01 con dê to và dùng dao chặt đứt dây thừng con dê to thứ 02 và dắt 02 con dê ra ngoài thì 02 con dê con đi theo. Ra khỏi lán nương, T cầm dây dắt dê đi trước, còn K đi sau đuôi dê, đi theo hướng H, C đợi, đến nơi cả 04 người đi đến chỗ để xe máy trước đó, T bảo H và C điều khiển xe máy về trước, còn T và K dắt dê theo đường mòn về.

Trên đường về, H gặp Quàng Văn D; sinh năm 1983; trú tại Bản Cà, xã Nậm Ét đi xe máy ngược chiều, H dừng xe, vẫy bảo D dừng lại và nói: “ông đi đâu đấy?” D trả lời “ông đi đuổi chuột ở ruộng”. H nói tiếp “ông lấy dê để bán không”, do không nghe rõ D hỏi lại “cái gì đấy”, H trả lời “cháu với bố cháu đi trộm dê về, bố cháu đang đi giấu, ông có lấy bán không”, D nói “không lấy đâu” H không nói gì thêm và đi về nhà. Còn T và K trên đường dắt dê về thì bị lạc đường nên đã gọi điện thoại cho D và nói “anh đi đốt ong về bị lạc đường, chú bật điện lên cho anh biết hướng về”, nói xong T thấy trong nhà D sáng điện, T dắt dê còn K đi sau đuôi dê đến lán nương của T thuộc bản Pồng, xã Nậm Ét buộc 02 con dê to ở gầm sàn và 02 con dê con ở cùng, xong T nói với K “sáng ra mổ ăn 01 con” K nói “thế cũng được” sau đó T lên lán nương ngủ, còn K về nhà ngủ, lúc này khoảng 04 giờ sáng ngày 10/10/2018. Khoảng 06 giờ ngày 10/10/2018, K đến lán nương gặp T và nói “mổ ăn một con đi, gọi C đến”. T không nói gì, lấy điện thoại gọi cho C, khoảng 10 phút sau C đi xe máy đến, cả 03 người mổ 01 con dê khoảng 12 kg, mổ xong đưa thịt về nhà C để chế biến ăn, C gọi điện thoại cho H đến ăn cùng, khoảng 18 giờ cùng ngày T lên lán nương xem và đưa thức ăn cho 03 con dê còn lại.

Khoảng 07 giờ ngày 11/10/2018, tại nhà T, H nói với T (H ở chung nhà với T) “bố ơi, tối hôm 09/10/2018 con có gặp ông D nói chuyện về việc mình đi trộm dê, nếu có mổ ăn thì chia phần cho ông D với” T nói “để bố nói chuyện

với K và C”. Khoảng 20 giờ ngày 13/10/2018 T, K đi đến nhà C, gặp nhau C nói “ ông Lả đi tìm dê, mổ ăn thôi không sẽ bị lộ” T và K nói “mổ thì mổ đi”. Sau đó, T, K và C đi đến lán nướng của T vẫn thấy 03 con dê ở đó, T lên sàn lấy 02 con dao xuống rồi cả 03 người cùng nhau mổ 03 con dê, mổ xong T chia thịt dê thành 04 phần bằng nhau gồm thịt, da, xương, mỗi phần khoảng 08 kg và chia 02 kg gồm thịt, da, xương phần cho D. K, C lấy mỗi người một phần, còn T lấy 02 phần (của T và của H), phần của D đem về nhà. Khoảng 05 giờ sáng ngày 14/10/2018 T gọi H dậy và nói “lấy ít thịt dê lên cho cậu D” H không nói gì, cầm lấy túi thịt điều khiển xe máy lên nhà D đưa thịt cho D và nói “ông không được nói ra, nếu nói ra thì phải chịu trách nhiệm”. Đến ngày 18/10/2018 hành vi của T, K, C và H đã bị cơ quan điều tra phát hiện, điều tra và làm rõ về hành vi phạm tội.

Ngày 18/10/2018, cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với 04 con dê mà T, K, C và H đã trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL – HĐĐG ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện Q đã kết luận 04 con dê mà Lò Văn T, Lò Văn C, Bạc Cầm K và Lò Văn H trộm cắp có trọng lượng là 74 kg, trị giá là 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại; 01 chiếc xe máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Lò Văn T; 01 chiếc xe máy; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy mang tên Bạc Cầm K; 02 đèn pin tích điện và 01 con dao.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q đã tuyên xử các bị cáo T, K, C, H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, s và i khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T 08 (tám) tháng tù, được khấu trừ 14 ngày đã tạm giam; bị cáo còn phải chấp hành tiếp 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày.

Phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn T là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Ngày 19/02/2019, bị cáo Lò Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, do không nhất trí về phần hình phạt, đề nghị xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình điều tra, tuy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp cơ quan điều tra giải quyết nhanh chóng vụ án. Tài sản trộm cắp đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại. Bị cáo không phải là người

khởi xướng, cầm đầu, do khi thấy con dê không có ai trông coi nên mới nảy sinh ý định trộm cắp dê về ăn. Do bị cáo không biết chữ, lạc hậu, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được H án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm b, s và i khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; giữ nguyên mức hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn T.

Bị cáo Lò Văn T: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản tạm giữ vật chứng và kết luận định giá tài sản; có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 09/10/2018, bị cáo Lò Văn T cùng với các bị cáo Lò Văn C, Bạc Cầm K và Lò Văn H đã có hành vi trộm cắp tài sản gồm 04 con dê có trọng lượng 74kg, trị giá 7.580.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) của gia đình anh Ngần Duy Lả; trú tại Bản Còi B, xã Mường Sại, huyện Q, nhằm mục đích mổ lấy thịt ăn. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Lò Văn T 08 (Tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do trong quá trình bị cáo đi bắt ong vì thấy tài sản của chủ sở hữu không có người trông coi, nên đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi phạm tội; hơn nữa do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo thuộc diện hộ nghèo; sống ở vùng sâu, vùng xa, không được đi học nên không hiểu biết về pháp luật; trong lúc ăn cơm uống rượu, vì không làm chủ được bản thân, bị cáo đã khởi xướng việc trộm cắp dê

về mổ thịt ăn, các bị cáo khác gồm C, K, H (là con, cháu của bị cáo) đều nhất trí H ứng ngay và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu trong vụ án và áp dụng khoản 1, 5 Điều 173, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 08 (Tám) tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa xem xét hết đến điều kiện hoàn cảnh của bị cáo.

Bị cáo không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội không có tính thường xuyên, chuyên nghiệp. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe đối với bị cáo và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn T, cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Lò Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La; như sau:

1. Tuyên xử bị cáo Lò Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 2, 3 Điều 35; Điều 58 và khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Nậm E, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy D của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/05/2019)./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Q;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh